

Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

- Căn cứ Luật số 78/2025/QH15 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026;
- Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;
- Căn cứ Quyết định 1199/QĐ-BXD ngày 16/12/2024 về việc chỉ định tổ chức thử nghiệm/chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phù hợp với Quy chuẩn quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng QCVN 16:2023/BXD;
- Căn cứ Quyết định số 1452/QĐ-BXD ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện KHCN Xây dựng;
- Căn cứ hợp đồng kinh tế số 395/2025VKH ký ngày 11/12/2025 giữa Viện KHCN Xây dựng và Công ty Cổ phần quốc tế Gốm Sứ Việt về việc thử nghiệm và đánh giá chứng nhận sản phẩm Gạch gốm ốp lát phù hợp Quy chuẩn số 16:2023/BXD;
- Căn cứ báo cáo kết quả đánh giá của đoàn chuyên gia đánh giá và kết quả thẩm xét hồ sơ đánh giá chứng nhận;
- Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật và Giám đốc Phân Viện Miền Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp chứng nhận sản phẩm Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men của Công ty **CERAMICAS FANAL, S.A.** sản xuất phù hợp với mục III.1, bảng 1, quy chuẩn QCVN 16:2023/BXD theo danh mục đính kèm.

Điều 2: Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận 03 năm kể từ ngày ký quyết định. Giấy chứng nhận sẽ được duy trì hiệu lực sau các lần Viện Khoa học Công nghệ tiến hành đánh giá giám sát 12 tháng/lần, tổng cộng là 02 lần trong 03 năm.

Điều 3: Việc sử dụng giấy chứng nhận và dấu hợp quy phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật, Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng hoàn toàn không chịu trách nhiệm về việc sử dụng trái với các quy định này.

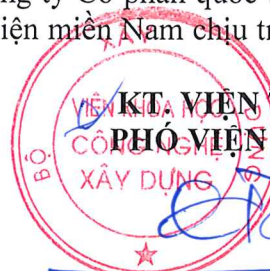
Điều 4: Trong thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận, nếu có bất kỳ thay đổi nào về thiết kế sản phẩm, nhà sản xuất hay những thay đổi khác ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm so với đăng ký ban đầu, Doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Viện Khoa học Công nghệ xây dựng để có đánh giá bổ sung theo quy định.

Điều 5: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và chỉ áp dụng cho mặt hàng gạch gốm ốp lát ép bán khô có men như danh mục nêu tại phụ lục đính kèm, do Công ty **CERAMICAS FANAL, S.A.** sản xuất và công ty **Cổ phần quốc tế Gốm Sứ Việt** nhập khẩu, sử dụng nhãn hiệu đã đăng ký (theo phụ lục đính kèm).

Điều 6: Công ty **CERAMICAS FANAL, S.A.**, công ty Cổ phần quốc tế Gốm Sứ Việt và các Ông, Bà Trưởng phòng KHKT, TCKT và Giám đốc Phân Viện miền Nam chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (03 bản);
- Viện trưởng (để b/c);
- Lưu VT, KHKT, PVMN./.



KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

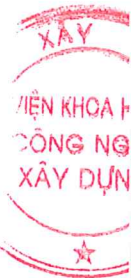
Đinh Quốc Dân

PHỤ LỤC

DANH MỤC SẢN PHẨM KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 395-10/2025/QĐ-VKH NGÀY 10/06/2026

TT	Sản phẩm được chứng nhận	Quy cách ⁽¹⁾ (mmxmmxmm)	Nhãn hiệu hàng hóa ⁽¹⁾	Mã HS HS code ⁽¹⁾
1.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a,	1200x1200x9	Fanal	69072193
2.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a,	1200x600x9,2		69072193
3.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a,	900x900x9,3		69072193

Ghi chú: ⁽¹⁾ Theo thông tin khai báo của khách hàng

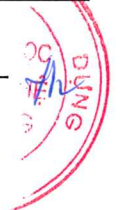


PHỤ LỤC

DANH MỤC SẢN PHẨM KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 395-10/2025/QĐ-VKH NGÀY 10/06/2026

TT	Sản phẩm được chứng nhận	Quy cách ⁽¹⁾ (mmxmmxmm)	Mã/code ⁽¹⁾												
1.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa,	1200x1200x9	Nhóm 1: <table><tr><td>ONIX BLANCO</td><td>GOLDEN MIST NSOFT</td></tr><tr><td>ONIX BEIGE</td><td>PLANET OXID METAL SOFT</td></tr><tr><td colspan="2">PLANET BROWN METAL SOFT</td></tr></table> Nhóm 2: <table><tr><td>ONIX BEIGE NPLUS</td><td>PLANET BROWN METAL SHINE</td></tr><tr><td>ONIX BLANCO NPLUS</td><td>GOLDEN MIST SSHINE</td></tr><tr><td colspan="2">PLANET OXID METAL SHINE</td></tr></table>	ONIX BLANCO	GOLDEN MIST NSOFT	ONIX BEIGE	PLANET OXID METAL SOFT	PLANET BROWN METAL SOFT		ONIX BEIGE NPLUS	PLANET BROWN METAL SHINE	ONIX BLANCO NPLUS	GOLDEN MIST SSHINE	PLANET OXID METAL SHINE	
ONIX BLANCO	GOLDEN MIST NSOFT														
ONIX BEIGE	PLANET OXID METAL SOFT														
PLANET BROWN METAL SOFT															
ONIX BEIGE NPLUS	PLANET BROWN METAL SHINE														
ONIX BLANCO NPLUS	GOLDEN MIST SSHINE														
PLANET OXID METAL SHINE															
2.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa,	1200x600x9,2	Nhóm 1: <table><tr><td>PLANET DARK METAL SOFT</td><td>GOLDEN MIST NSOFT</td></tr><tr><td>PLANET BROWN METAL SOFT</td><td>PLANET OXID METAL SOFT</td></tr></table> Nhóm 2: <table><tr><td>PLANET DARK METAL SHINE</td><td>GOLDEN MIST SSHINE</td></tr><tr><td>PLANET BROWN METAL SHINE</td><td>PLANET OXID METAL SHINE</td></tr></table>	PLANET DARK METAL SOFT	GOLDEN MIST NSOFT	PLANET BROWN METAL SOFT	PLANET OXID METAL SOFT	PLANET DARK METAL SHINE	GOLDEN MIST SSHINE	PLANET BROWN METAL SHINE	PLANET OXID METAL SHINE				
PLANET DARK METAL SOFT	GOLDEN MIST NSOFT														
PLANET BROWN METAL SOFT	PLANET OXID METAL SOFT														
PLANET DARK METAL SHINE	GOLDEN MIST SSHINE														
PLANET BROWN METAL SHINE	PLANET OXID METAL SHINE														
3.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm BIa,	900x900x9,3	Nhóm 1: <table><tr><td>ONIX BLANCO</td><td>ONIX BEIGE</td></tr></table> Nhóm 2: <table><tr><td>ONIX BLANCO NPLUS</td><td>ONIX BEIGE NPLUS</td></tr></table>	ONIX BLANCO	ONIX BEIGE	ONIX BLANCO NPLUS	ONIX BEIGE NPLUS								
ONIX BLANCO	ONIX BEIGE														
ONIX BLANCO NPLUS	ONIX BEIGE NPLUS														

Ghi chú: ⁽¹⁾ Theo thông tin khai báo của khách hàng





BỘ XÂY DỰNG
Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.43.7544196 - Fax: 84.43.8361197
Website: www.ibst.vn - Email: vkhcnd@ipt.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY **CERTIFICATE OF CONFORMITY**



Số/No: 395-10/2025VKH

Chứng nhận sản phẩm/ This is to certify that:

Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men/ Glazed dry-pressed ceramic tiles

(Danh mục sản phẩm được chứng nhận theo phụ lục đính kèm/ List of certified products attached at index)

Nhà máy sản xuất/ Manufacturer: CERAMICAS FANAL, S.A.

Địa điểm sản xuất/ Manufacturing address: Camino del Colaor, 21, 12200 Onda Castellón Spain

Đơn vị nhập khẩu/Importer: Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm Sứ Việt

VIET CERAMICS INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ/ Address

778k/2 Nguyễn Kiệm, phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

778k/2 Nguyen Kiem Street, Duc Nhuan Ward, Hochiminh City, Vietnam

Phù hợp với/ Conforms to:

Mục III.1, bảng 1, QCVN 16:2023/BXD/ Item III.1, table 1, QCVN 16:2023/BXD

Phương thức chứng nhận/ Certification method: Phương thức 5/ Method 5

Hiệu lực/Validity: Giấy chứng nhận có giá trị/ This certificate is valid:

từ ngày 10 tháng 06 năm 2026 đến ngày 09 tháng 06 năm 2029/ from June 10th 2026 to June 9th 2029

(Giấy chứng nhận sẽ được duy trì hiệu lực sau các đợt đánh giá giám sát của IBST 12 tháng/lần, tổng cộng là 02 lần trong 03 năm/ This certificate will maintains valid if 12-month surveillance audits are performed by IBST twice in three years)



Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2026
Hanoi, June 10th 2026

KT.VIÊN TRƯỞNG
PHÓ VIÊN TRƯỞNG

On behalf of Director of Institute
Vice Director



Đinh Quốc Dân

**PHỤ LỤC
INDEX**

(Ban hành kèm theo giấy CNHQ số 395-10/2025VKH, ban hành ngày 10/06/2026
(Attached to Certificate No. 395-10/2025VKH, dated 10/06/2026))

TT No.	Sản phẩm được chứng nhận <i>Certified products</i>	Quy cách/ <i>Dimension</i> ⁽¹⁾ (mmxmmxmm)	Nhãn hiệu hàng hóa/ <i>Brand</i> ⁽¹⁾	Mã HS <i>HS code</i> ⁽¹⁾
1.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group B1a</i>	1200x1200x9	Fanal	69072193
2.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group B1a</i>	1200x600x9,2		69072193
3.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group B1a</i>	900x900x9,3		69072193

Ghi chú/Note: ⁽¹⁾ Theo thông tin khai báo của khách hàng/ *As declared by client.*

th



PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo giấy CNHQ số 395-10/2025VKH, ban hành ngày 10/06/2026

(Attached to Certificate No. 395-10/2025VKH, dated 10/06/2026)

(Attached to Certificate No: 595-16/2023/KH, dated 16/06/2023)

TT No.	Sản phẩm được chứng nhận <i>Certified products</i>	Quy cách/ <i>Dimension</i> ⁽¹⁾ (mmxmmxmm)	Mã/code ⁽¹⁾												
1.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group B1a</i>	1200x1200x9	Nhóm 1: <table> <tr> <td>ONIX BLANCO</td> <td>GOLDEN MIST NSOFT</td> </tr> <tr> <td>ONIX BEIGE</td> <td>PLANET OXID METAL SOFT</td> </tr> <tr> <td colspan="2">PLANET BROWN METAL SOFT</td> </tr> </table> Nhóm 2: <table> <tr> <td>ONIX BEIGE NPLUS</td> <td>PLANET BROWN METAL SHINE</td> </tr> <tr> <td>ONIX BLANCO NPLUS</td> <td>GOLDEN MIST SSHINE</td> </tr> <tr> <td colspan="2">PLANET OXID METAL SHINE</td> </tr> </table>	ONIX BLANCO	GOLDEN MIST NSOFT	ONIX BEIGE	PLANET OXID METAL SOFT	PLANET BROWN METAL SOFT		ONIX BEIGE NPLUS	PLANET BROWN METAL SHINE	ONIX BLANCO NPLUS	GOLDEN MIST SSHINE	PLANET OXID METAL SHINE	
ONIX BLANCO	GOLDEN MIST NSOFT														
ONIX BEIGE	PLANET OXID METAL SOFT														
PLANET BROWN METAL SOFT															
ONIX BEIGE NPLUS	PLANET BROWN METAL SHINE														
ONIX BLANCO NPLUS	GOLDEN MIST SSHINE														
PLANET OXID METAL SHINE															
2.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group B1a</i>	1200x600x9,2	Nhóm 1: <table> <tr> <td>PLANET DARK METAL SOFT</td> <td>GOLDEN MIST NSOFT</td> </tr> <tr> <td>PLANET BROWN METAL SOFT</td> <td>PLANET OXID METAL SOFT</td> </tr> </table> Nhóm 2: <table> <tr> <td>PLANET DARK METAL SHINE</td> <td>GOLDEN MIST SSHINE</td> </tr> <tr> <td>PLANET BROWN METAL SHINE</td> <td>PLANET OXID METAL SHINE</td> </tr> </table>	PLANET DARK METAL SOFT	GOLDEN MIST NSOFT	PLANET BROWN METAL SOFT	PLANET OXID METAL SOFT	PLANET DARK METAL SHINE	GOLDEN MIST SSHINE	PLANET BROWN METAL SHINE	PLANET OXID METAL SHINE				
PLANET DARK METAL SOFT	GOLDEN MIST NSOFT														
PLANET BROWN METAL SOFT	PLANET OXID METAL SOFT														
PLANET DARK METAL SHINE	GOLDEN MIST SSHINE														
PLANET BROWN METAL SHINE	PLANET OXID METAL SHINE														
3.	Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a, <i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group B1a</i>	900x900x9,3	Nhóm 1: <table> <tr> <td>ONIX BLANCO</td> <td>ONIX BEIGE</td> </tr> </table> Nhóm 2: <table> <tr> <td>ONIX BLANCO NPLUS</td> <td>ONIX BEIGE NPLUS</td> </tr> </table>	ONIX BLANCO	ONIX BEIGE	ONIX BLANCO NPLUS	ONIX BEIGE NPLUS								
ONIX BLANCO	ONIX BEIGE														
ONIX BLANCO NPLUS	ONIX BEIGE NPLUS														

Ghi chú/Note: ⁽¹⁾ Theo thông tin khai báo của khách hàng/ As declared by client.

BỘ XÂY DỰNG
VIỆN KHCN XÂY DỰNG

Số: 395-10/2025/VKH-PVMN

V/v: Thông báo KQTN của hồ sơ
CNHQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2026

Kính gửi: Công ty Cổ phần quốc tế Gốm Sứ Việt

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 395/2025VKH ký ngày 11/12/2025 giữa Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng với quý Công ty về việc đánh giá chứng nhận sản phẩm gạch gốm ốp lát phù hợp Quy chuẩn số QCVN 16:2023/BXD và giấy đăng ký đánh giá chứng nhận số 395-10/2025VKH ngày 11/12/2025;

Căn cứ Quyết định chứng nhận sản phẩm số 395-10/2025/QĐ-VKH, ký ngày 10 tháng 06 năm 2026 của Viện trưởng Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng về cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn số 395-10/2025VKH ngày 10/06/2026

Căn cứ vào kết quả thử nghiệm mẫu điển hình hồ sơ chứng nhận hợp quy có thông tin như sau:

- Số hợp đồng: 395/2025VKH;
- Giấy chứng nhận số: 395-10/2025VKH ngày 10/06/2026;
- Ngày đăng ký: 11/12/2025;
- Nhà máy sản xuất: CERAMICAS FANAL, S.A.;
- Địa chỉ địa điểm sản xuất và đánh giá: Camino del Colaor, 21, 12200 Onda Castellón Spain
- Thời gian nhận mẫu, thử nghiệm, xem xét hồ sơ: 13/05/2026-09/06/2026;

Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng thông báo kết quả thử nghiệm các mẫu điển hình theo giấy chứng nhận nêu trên tại phụ lục đính kèm.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cty Cổ phần quốc tế Gốm Sứ Việt;
- Viện trưởng (để b/c);
- Lưu KHK, VT, PVMN.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG
Đinh Quốc Dân

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo công văn số 395-10/VKH-PVMN ngày 10/06/2026)

Mẫu 1: Gạch gồm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a quy cách (1200x1200x9) mm

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thử nghiệm										Yêu cầu kỹ thuật theo mục III.1, bảng 1, QCVN 16:2023/BXD (nhóm B1a)	Đánh giá
1. Độ hút nước (E)	%												Đạt
Độ hút nước từng viên		0,05	0,03	0,10	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	$E \leq 0,6$	
Độ hút nước trung bình (E)		0,05										$E \leq 0,5$	
2. Độ bền uốn	MPa												
Chiều dày, mm	8,3	8,2	8,2	8,2	8,3	8,2	8,3						
Lực uốn gãy, N	2.408	2.312	2.334	2.222	2.213	2.262	2.315						
Độ bền uốn từng viên, N/mm ²	52,4	51,6	52,1	49,6	48,2	50,5	50,4	≥ 32	Đạt				
Độ bền uốn trung bình	50,7										≥ 35	Đạt	
3. Độ chịu mài mòn bề mặt													
Nhóm		1				2							
Giai đoạn mài xuất hiện sự phá hủy	vòng	600				300							
Cấp		II				I				I, II, III, IV	Đạt		
4. Hệ số giãn nở nhiệt dài	$10^{-6} \times ^{\circ}\text{C}^{-1}$	2,4				2,5				≤ 9	Đạt		
	Trung bình	2,5											
5. Hệ số giãn nở ẩm	mm/m	-	-	-	-	-		N/A	-				
	Trung bình	-											

Ghi chú: N/A – không áp dụng

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo công văn số 395-10/VKH-PVMN ngày 10/06/2026)

Mẫu 2: Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a quy cách (1200x600x9,2) mm

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thử nghiệm									Yêu cầu kỹ thuật theo mục III.1, bảng 1, QCVN 16:2023/BXD (nhóm B1a)	Đánh giá	
1. Độ hút nước (E)	%											Đạt	
Độ hút nước từng viên		0,10	0,07	0,07	0,08	0,08	0,09	0,08	0,10	0,10	0,10	$E \leq 0,6$	
Độ hút nước trung bình (E)		0,09									$E \leq 0,5$		
2. Độ bền uốn	MPa												
Chiều dày, mm	7,4	7,5	7,6	7,5	7,5	7,6	7,5						
Lực uốn gãy, N	1.975	1.799	1.882	2.055	1.962	1.986	1.938						
Độ bền uốn từng viên, N/mm ²	54,1	48,0	48,9	54,8	52,3	51,6	51,7	≥ 32	Đạt				
Độ bền uốn trung bình	51,6									≥ 35	Đạt		
3. Độ chịu mài mòn bề mặt													
Nhóm		1				2							
Giai đoạn mài xuất hiện sự phá hủy	vòng	600				300							
Cấp		II				I				I, II, III, IV	Đạt		
4. Hệ số giãn nở nhiệt dài	10 ⁻⁶ x ⁰ C ⁻¹	2,6				2,6				≤ 9	Đạt		
	Trung bình	2,6											
5. Hệ số giãn nở ẩm	mm/m	-	-	-	-	-		N/A	-				
	Trung bình	-											

Ghi chú: N/A-không áp dụng

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo công văn số 395-10/VKH-PVMN ngày 10/06/2026)

Mẫu 3: Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a, quy cách (900x900x9,3) mm

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thử nghiệm										Yêu cầu kỹ thuật theo mục III.1, bảng 1, QCVN 16:2023/BXD (nhóm B1a)	Đánh giá
1. Độ hút nước (E)	%												Đạt
Độ hút nước từng viên		0,06	0,07	0,08	0,06	0,07	0,07	0,08	0,07	0,07	0,07	$E \leq 0,6$	
Độ hút nước trung bình (E)		0,07										$E \leq 0,5$	
2. Độ bền uốn	MPa												
Chiều dày, mm	8,5	8,5	8,4	8,4	8,4	8,4	8,4	8,4					
Lực uốn gãy, N	2.070	2.051	2.028	2.082	2.141	2.083	2.052						
Độ bền uốn từng viên, N/mm ²	43,0	42,6	43,1	44,3	45,5	44,3	43,6	≥ 32	Đạt				
Độ bền uốn trung bình	43,8										≥ 35	Đạt	
3. Độ chịu mài mòn bề mặt													
Nhóm		1					2						
Giai đoạn mài xuất hiện sự phá hủy	vòng	600					300						
Cấp		II					I					I, II, III, IV	Đạt
4. Hệ số giãn nở nhiệt dài	10 ⁻⁶ x ⁰ C ⁻¹	2,8					2,9					≤ 9	Đạt
	Trung bình	2,9											
5. Hệ số giãn nở ẩm	mm/m	-	-	-	-	-					N/A	-	
	Trung bình	-											

Ghi chú: N/A-không áp dụng